

BẢNG HIỆU CHỈNH VỀ ĐỘ SÂU THEO GÓC LỆCH CỦA DÂY CÁP MANG CÁ SẮT

a h(m)	10°	15 °	20 °	25 °	30 °	35 °
2	0,02	0,04	0,07	0,01	0,14	0,18
3	0,03	0,05	0,09	0,13	0,19	0,25
4	0,03	0,07	0,11	0,17	0,24	0,33
5	0,04	0,08	0,13	0,21	0,29	0,40
6	0,04	0,00	0,15	0,24	0,35	0,47
7	0,05	0,10	0,18	0,28	0,40	0,54
8	0,05	0,12	0,20	0,31	0,45	0,61
9	0,06	0,13	0,23	0,35	0,50	0,68
10	0,07	0,14	0,25	0,39	0,56	0,76
11	0,07	0,15	0,27	0,42	0,61	0,89
12	0,08	0,17	0,29	0,46	0,66	0,90
13	0,08	0,18	0,32	0,49	0,71	0,97
14	0,08	0,19	0,34	0,53	0,77	1,04
15	0,09	0,20	0,36	0,57	0,82	1,11
16	0,10	0,22	0,39	0,60	0,87	1,18
17	0,10	0,23	0,41	0,63	0,92	1,25
18	0,11	0,24	0,43	0,67	0,97	1,32
19	0,11	0,26	0,45	0,71	1,03	1,39
20	0,12	0,27	0,47	0,74	1,08	1,47

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

N-2

SỐ
DÙNG KHI ĐO ĐỘ SÂU
SỐ.....

Sông
Trạm
Thôn xã
Huyện
Tỉnh

Sông.....

Ngày.....tháng.....năm.....Bắt đầu từ bờ bên lúc.....giờ.....phút: Xong lúc giờ.....phút.....

Khoảng cách từ khởi điểm đến mép nước m

	Số hiệu cọc thủy trí	Số đọc	Độ cao đầu cọc hay “0” thủy trí	Trên mặt quy chiếu
Lúc đầu				
Lúc cuối				
Mực nước khái toán				

Độ cao của mực nước ở tuyến này lúc đo sâu xác định bằng cách đánh thẳng bằng là.....m trên “0” của trạm

[illegible]

Người đo sâu.....

Người chỉnh lý.....

Người thẩm tra.....

